

|  | **TRƯỜNG TRUNG HỌC VINSCHOOL**  **ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ II - LỚP 7**  **NĂM HỌC 2021 - 2022**  **MÔN TOÁN - HỆ CHUẨN VINSCHOOL**  *Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề* | |
| --- | --- | --- |
|  |
| **ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  *(Đề thi có 05 trang)* |
| **Họ, tên thí sinh:** …………………………………….  **Số báo danh:** ……………….………………………. | |  |
|  | | |

**Chủ đề 1. Thống kê**

**Nhận biết**

**Câu 1:** Điểm kiểm tra 15 phút môn Toán của học sinh lớp 7A được cho ở bảng dưới đây:

| Điểm (x) | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tần số | 5 | 8 | 10 | 3 | 4 | N = 30 |

Dấu hiệu ở đây là gì?

**A.** Các bạn học sinh lớp 7A.

**B.** Điểm kiểm tra 15 phút môn Toán của mỗi học sinh lớp 7A.

**C.** Điểm trung bình môn Toán của mỗi học sinh lớp 7A.

**D.** Thời gian làm bài kiểm tra môn Toán của mỗi học sinh lớp 7A.

**Thông hiểu**

**Câu 2:** Điểm kiểm tra cuối học kì II môn Tiếng Anh của học sinh lớp 7A được ghi lại bởi bảng sau:

| 5 | 7 | 5 | 10 | 6 | 6 | 6 | 6 | 7 | 9 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | 6 | 5 | 10 | 7 | 9 | 8 | 6 | 7 | 8 |
| 10 | 6 | 9 | 9 | 7 | 7 | 8 | 8 | 9 | 8 |

Số giá trị khác nhau của dấu hiệu là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 3:** Điểm kiểm tra cuối học kì II môn Tiếng Anh của học sinh lớp 7A được ghi lại bởi bảng sau:

| 5 | 7 | 5 | 10 | 6 | 6 | 6 | 6 | 7 | 9 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | 6 | 5 | 10 | 7 | 9 | 8 | 6 | 7 | 8 |
| 10 | 6 | 9 | 9 | 7 | 7 | 8 | 8 | 9 | 8 |

Mốt của dấu hiệu là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Vận dụng thấp**

**Câu 4:** Điểm kiểm tra cuối học kì II môn Tiếng Anh của học sinh lớp 7A được ghi lại bởi bảng sau:

| 5 | 7 | 5 | 10 | 6 | 6 | 6 | 6 | 7 | 9 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | 6 | 5 | 10 | 7 | 9 | 8 | 6 | 7 | 8 |
| 10 | 6 | 9 | 9 | 7 | 7 | 8 | 8 | 9 | 8 |

Điểm trung bình bài kiểm tra cuối kì II môn Tiếng Anh của học sinh lớp 7A là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Chủ đề 2. Biểu thức đại số**

**Nhận biết**

**Câu 5:** Đơn thức đồng dạng vớiđơn thức là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 6:** Bậc của đơn thức là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 7:** Đa thức có hệ số cao nhất là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Thông hiểu**

**Câu 8:** Giá trị của đa thức tại là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 9:** Đơn thức có dạng thu gọn là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 10:** Thu gọn đa thức được kết quả là:



**A.** . **B.** .



**C.** . **D.** .



**Câu 11:** Cho hai đa thức , . Kết quả bằng:



**A.** . **B.** .



**C.** . **D.** .



**Vận dụng thấp**

**Câu 12:** Tổng của các đơn thức ;; bằng:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 13:** Sắp xếp các hạng tử của đa thức theo lũy thừa giảm dần của biến được kết quả là:



**A.**  . **B.** .



**C.** . **D.** .



**Vận dụng cao**

**Câu 14:** Giá trị nhỏ nhất của biểu thức là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Chủ đề 3. Tam giác**

**Nhận biết**

**Câu 15:** Chọn câu đúng.

**A.** Tam giác cân là tam giác có ba cạnh bằng nhau.

**B.** Trong tam giác đều, mỗi góc bằng .



**C.** Tam giác vuông cân là tam giác đều.

**D.** Tam giác cân có một góc bằng .



**Thông hiểu**

**Câu 16:** Một tam giác cân có số đo góc ở đáy bằng thì số đo góc ở đỉnh là

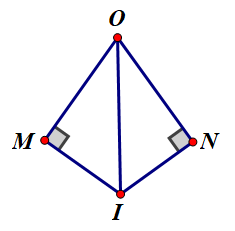


**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Câu 17:** Cho hình vẽ. Cần thêm điều kiện gì để theo trường hợp cạnh huyền – góc nhọn?





**A.** . **B.** .



**C.** . **D.** .



**Vận dụng thấp**

**Câu 18:** Một mặt bàn hình chữ nhật có diện tích bằng , chiều dài bằng. Đường chéo của mặt bàn này có độ dài là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Chủ đề 5. Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác. Các đường đồng quy trong tam giác**

**Nhận biết**

**Câu 19:** Cho có . Kết luận nào sau đây là đúng?



**A.**  là cạnh lớn nhất. **B.** .

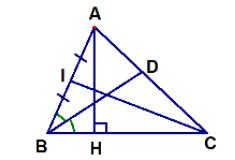


**C.**  là cạnh lớn nhất. **D.**  là cạnh lớn nhất.



**Câu 20:** Cho hình vẽ sau. Đường trung tuyến của là:





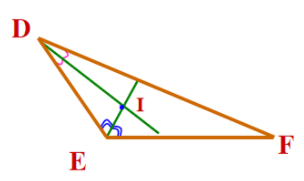
**A.** . **B.** .



**C.** . **D.** .



**Câu 21:** Cho hình vẽ sau. Chọn đáp án đúng:



**A.**  là đường trung tuyến của tam giác .



**B.**  là đường phân giác của tam giác .



**C.**  là giao điểm của ba đường cao trong tam giác .



**D.**  là trọng tâm của tam giác .



**Thông hiểu**

**Câu 22:** Phát biểu nào dưới đây là ĐÚNG?

**A.** Trong một tam giác cân, đường trung trực cũng là đường cao của tam giác.

**B.** Trong một tam giác cân, đường phân giác và đường trung tuyến trùng nhau.

**C.** Trong một tam giác cân, đường trung trực ứng với cạnh đáy đồng thời là đường phân giác xuất phát từ đỉnh đối diện với cạnh đó.

**D.** Trong một tam giác cân, giao điểm của các đường phân giác cũng là giao điểm của các đường cao của tam giác.

**Câu 23:** Cho tam giác cân, biết . Độ dài cạnh có thể là:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Vận dụng thấp**

**Câu 24:** Cho tam giác cân tại , đường cao , đáy . Độ dài cạnh AB bằng:



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



**Vận dụng cao**

**Câu 25:** Một bác thợ mộc muốn cắt một mặt bàn hình tròn có kích thước lớn nhất từ một tấm gỗ hình tam giác đều có độ dài cạnh bằng . Sau khi cắt, mặt bàn này phải có bán kính là  
**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



***------ HẾT ------***

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên, Chữ kí của cán bộ coi thi:……………………………………………………………………